

# ĐỐI CHIẾU DANH TỪ SỐ NHIỀU TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**

*Trường Đại học Quảng Bình*

**Tóm tắt.** Để học tốt môn tiếng Anh, người học cần nắm vững nhiều quy tắc cấu tạo và cấu trúc ngữ pháp. Một trong những khó khăn của người học tiếng Anh là cấu tạo danh từ số nhiều từ danh từ số ít sao cho đúng quy tắc. Trong bài báo này, tác giả trình bày những quy tắc cấu tạo danh từ số nhiều trong tiếng Anh và tiếng Việt. Tác giả đối chiếu để nêu ra những điểm tương đồng và khác biệt trong việc cấu tạo danh từ số nhiều, từ đó rút ra những kinh nghiệm trong việc sử dụng từ, dịch thuật từ chính xác, hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** danh từ; số nhiều

## 1. MỞ ĐẦU

Tiếng Anh ngày càng trở nên quan trọng và làm sao để có thể vận dụng ngôn ngữ này trong giao tiếp là yêu cầu rất cần thiết. Chính vì vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã và đang thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020” với những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là bộ môn tiếng Anh. Những người học tiếng Anh sẽ nhận thấy ngôn ngữ này thật rắc rối với nhiều quy tắc. Một điều mà chúng ta dễ nhận thấy đó là dễ chuyển danh từ số ít sang danh từ số nhiều, người học phải tuân thủ khá nhiều quy tắc và rất dễ mắc lỗi trong phần này. Trong khi với tiếng Việt, chúng ta chỉ việc thêm “những, các” để có danh từ số nhiều. Chính vì sự khác biệt đó mà người Việt sẽ gặp một số khó khăn nhất định trong việc sử dụng danh từ số nhiều trong tiếng Anh. Ngoài ra, họ cũng có thể gặp trở ngại trong việc dịch thuật khi gặp những danh từ số nhiều. Để giúp người học nắm rõ các quy tắc cấu tạo danh từ số nhiều trong tiếng Anh và tiếng Việt, tác giả sẽ làm rõ vấn đề này giúp việc học tiếng Anh và dịch thuật đạt hiệu quả cao hơn.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Định nghĩa

Theo tác giả Trần Việt Hương [3], danh từ là những từ chỉ người, sự vật, con vật, sự việc, khái niệm...

Trong tiếng Anh, danh từ được định nghĩa là từ loại dùng để chỉ người, địa điểm, vật, hành động hoặc chất lượng. Theo Oxford Advanced Learner’s Dictionary, danh từ được định nghĩa như sau: “noun is a word that refers to a person (such as *Ann* or *doctor*), a place (such as *Paris* or *city*) or a thing, a quality or an activity (such as *plant*, *sorrow* or *tennis*).”

Như vậy, danh từ trong tiếng Anh được định nghĩa rộng hơn so với danh từ tiếng Việt.

Có nhiều cách chia danh từ. Căn cứ vào số của danh từ thì danh từ gồm hai loại: danh từ số ít và danh từ số nhiều.

Danh từ số ít là danh từ đếm được với đơn vị số đếm là một hoặc có thể là danh từ không đếm được.

Danh từ số nhiều luôn luôn là danh từ đếm được với đơn vị số đếm là hai hoặc nhiều hơn hai.  
Ví dụ: two apples = hai trái táo

Theo từ điển Oxford Advanced Learner: “Plural noun refers to more than one person or thing.”

## 2.2. Nội dung so sánh

### Về thành phần

Theo tác giả Murphy [4], trong tiếng Anh, danh từ số nhiều bao gồm danh từ xác định và danh từ không xác định.

Ví dụ: Danh từ xác định: *books* (những quyển sách), *houses* (những ngôi nhà)...

Danh từ không xác định: *wine* (các loại rượu), *waters* (lãnh hải)...

Trong khi đó, tiếng Việt không phân biệt danh từ xác định hay danh từ không xác định.

### Về hình thức

Theo tác giả Murphy [4] và tác giả Swan [5], trong tiếng Anh, hình thức của danh từ có sự thay đổi khi chuyển từ danh từ số ít sang danh từ số nhiều.

Ví dụ:

*Seat* → *Seats* (những chỗ ngồi)

*Box* → *Boxes* (những cái hộp)

*Country* → *Countries* (những đất nước)

Tiếng Việt không có sự thay đổi, vẫn giữ nguyên hình thức của danh từ số ít, chỉ thay đổi từ chỉ số lượng ở phía trước danh từ.

Ví dụ:

Một cái hộp → những cái hộp

Một đất nước → những đất nước

Nguyên nhân của sự khác biệt này là do tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết nên khi chuyển sang danh từ số nhiều phải có số từ đứng trước nó, còn tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm tiết nên khi chuyển sang danh từ số nhiều thì cần có phụ tố ngay sau nó.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, danh từ số nhiều trong tiếng Anh không thay đổi hình thức giống tiếng Việt:

Ví dụ:

*Fish (cá), sheep (cừu), deer (nai), salmon (cá hồi), cod (cá thu), carp (cá chép), plaice (cá bon sao), squid (cá mực), turbot (cá bon), aircraft (máy bay), series (chuỗi, dãy), species (loài), offspring (con cái)*

### 2.3. Cách nhận biết

#### Trong tiếng Anh

Theo tác giả Swan [5], theo quy tắc chung, danh từ số nhiều = danh từ số ít + **S**

Ví dụ:

*Book* → *Books* (những quyển sách)

*Hilltop* → *Hilltops* (những đỉnh đồi)

*Image* → *Images* (những hình ảnh)

*Rose* → *Roses* (những cành hoa hồng)

*Seat* → *Seats* (những chỗ ngồi)

Ngoài ra, có một số trường hợp đặc biệt khi chuyển từ danh từ số ít sang danh từ số nhiều.

Trường hợp 1. Những danh từ tận cùng là **CH, SH, X, S, O**: Danh từ số nhiều = Danh từ số ít + **ES**

Ví dụ:

*Watch* → *Watches* (những cái đồng hồ đeo tay)

*Fish* → *Fishes* (những con cá)

*Box* → *Boxes* (những cái hộp)

*Bus* → *Buses* (những chiếc xe buýt)

*Tomato* → *Tomatoes* (những củ khoai tây)

**Lưu ý:** Trước **O** là một nguyên âm hoặc từ đó là từ mượn từ tiếng nước ngoài vào tiếng Anh:  
**O** → **O + S**

Ví dụ:

*Bamboo* → *Bamboos*

*Photo* → *Photos*

*Radio* → *Radios*

Trường hợp 2. Những danh từ có tận cùng là “Y” và trước Y là một phụ âm: **Y → IES**

Ví dụ:

*Country* → *Countries* (những đất nước)

*Lorry* → *Lorries* (những chiếc xe tải)

Trường hợp 3. Những danh từ tận cùng là “F và FE”: **F/FE → VES** (ngoại trừ “Safe”)

Ví dụ:

*Wife* → *Wives* (những người vợ)

*Wolf* → *Wolves* (những con sói)

**Lưu ý:** Những từ có đuôi FF, OOF, IEF” (ngoại trừ “Thief → Thieves”) khi chuyển sang số nhiều chỉ thêm “S”

Ví dụ:

*Cliff* → *Cliffs* (những vách đá)

*Roof* → *Roofs* (những mái nhà)

*Chief* → *Chiefs* (những người lãnh đạo)

Trường hợp 4. Một số danh từ bất quy tắc

Ví dụ:

*Ox* → *Oxen* (những con bò)

*Man* → *Men* (những người đàn ông)

*Woman* → *Women* (những người phụ nữ)

*Child* → *Children* (những đứa trẻ)

*Tooth* → *Teeth* (những chiếc răng)

*Foot* → *Feet* (những bàn chân)

*Goose* → *Geese* (những con ngỗng)

*Mouse* → *Mice* (những con chuột)

*Louse* → *Lice* (những con chấy, rận)

Trường hợp 5. Những danh từ có gốc Latin hoặc Hi Lạp.

+ Nhiều danh từ tận cùng là “*UM*”: *UM* → *A*

Ví dụ:

*Datum* → *Data*

*Alluvium* → *Alluvia* (những hạt phù sa)

*Medium* → *Media*

*Curriculum* → *Curricula/Curriculum*

+ Một số danh từ tận cùng là “*ON*”: *ON* → *A*

Ví dụ:

*Phenomenon* → *Phenomena*

*Criterion* → *Criteria*

+ Nhiều danh từ đuôi “*SIS*”: *SIS* → *SES*

Ví dụ:

*Basis* → *Bases*

*Crisis* → *Crises*

*Thesis* → *Theses*

*Synthesis* → *Syntheses*

*Analysis* → *Analyses*

+ Một số danh từ đuôi “*US*”: *US* → *I*

Ví dụ:

*Nucleus* → *Nuclei*

*Syllabus* → *Syllabi*

*Fungus* → *Fungi*

Trường hợp 6. Những tính từ được danh từ hoá bằng cách thêm “*THE*” thì luôn mang nghĩa số nhiều

Ví dụ:

*The rich, The poor, The Vietnamese.*

Trường hợp 7. Danh từ chỉ quốc tịch và địa danh:

+ Tận cùng là “AN, I”: thêm S

Ví dụ:

*Russian → Russians*

*Malaysian → Malaysians*

*Iraqi → Iraqis*

*Pakistani → Pakistanis*

+ Tận cùng “ESE”, “ISH”: giữ nguyên

Ví dụ:

*Vietnamese, Japanese, Chinese, English, British.*

Trường hợp 8. Có nhiều danh từ số ít mang nghĩa này, số nhiều mang nghĩa khác

Ví dụ:

*Water (nước) → Waters (lãnh hải)*

*Advice (lời khuyên) → Advices (thông tin)*

*Content (nội dung) → Contents (mục lục)*

Trường hợp 9. Những danh từ số ít có *man/ woman* đứng trước làm định ngữ thì chuyển cả hai từ cùng lúc:

Ví dụ:

*Man worker → Men workers*

*Woman worker → Women workers.*

Trường hợp 10. Từ ghép

+ Những từ ghép gồm nhiều từ tố, trong đó có một từ tố làm gốc (từ tố mang nghĩa chính của từ ghép) thì thêm “S” ở từ tố làm gốc (dù từ tố đứng đầu hay cuối).

Ví dụ:

*Looker-on* → *Lookers-on*

*Father in law* → *Fathers in law*

*Point of view* → *Points of view*.

+ Những từ ghép không có từ tổ gốc (nghĩa của từ ghép không phải là tổng nghĩa của từ tổ): thêm “S” ở từ tổ sau cùng:

Ví dụ:

*Roundabout* → *Roundabouts*

*Forget-me-not* → *Forget-me-nots*

*Mother-of-pearl* → *Mother-of-pearls*

Trong tiếng Việt, danh từ ghép khi chuyển sang số nhiều không có sự phân biệt từ tổ gốc.

Ví dụ:

*Người mẹ kế* → *Những người mẹ kế*

Trường hợp 11. Một số danh từ không thay đổi khi ở số nhiều.

Ví dụ:

*Fish* (cá), *sheep* (cừu), *deer* (nai), *salmon* (cá hồi), *cod* (cá thu), *carp* (cá chép), *plaice* (cá bon sao), *squid* (cá mực), *turbot* (cá bon), *aircraft* (máy bay), *series* (chuỗi, dãy), *species* (loài), *offspring* (con cái).

Trong trường hợp này, tiếng Anh giống tiếng Việt.

Ví dụ: *Một con cá* → *Những con cá*

Trường hợp 12. Nhiều danh từ không đếm được mà viết dưới dạng số nhiều thì có nghĩa là loại.

Ví dụ: *Tea, meat, wine, fish, fruit...* → số nhiều có nghĩa là: các loại chè, các loại thịt, các loại rượu...

Tiếng Việt không phân biệt danh từ đếm được và danh từ không đếm được.

### **Trong tiếng Việt**

Theo tác giả Nguyễn Kim Thân [1], để nhận biết danh từ số nhiều cần phải dựa vào từ đi trước nó.

Trường hợp 1. Số từ + danh từ.

- Số từ chỉ lượng bao gồm:

+ Định số từ: là từ chỉ số lượng nhất định như: một, hai, ba, bốn,... hai mươi, ba mươi,...

*Ví dụ: Hai con gà, ba cái nhà, một trăm con ngựa...*

+ Khái số từ: chỉ một số lượng ước phỏng như: vài, dăm, mười,...

*Ví dụ: Vài hôm, dăm bữa, mười ngày...*

Trường hợp 2. Danh từ chỉ lượng + danh từ.

- chục, trăm, nghìn, vạn, triệu...

*Ví dụ: Trăm người, triệu người dân...*

Trường hợp 3. Hư từ + danh từ số ít.

- Những + danh từ: có ý nghĩa số nhiều, nhưng số lượng chỉ có hạn độ và là một bộ phận của toàn thể.

*Ví dụ: Những đứa trẻ, những cái bàn ...*

- Các + danh từ: có ý nghĩa toàn thể.

*Ví dụ: Các nước trên toàn thế giới, các bạn trong lớp, các nhà phú hào...*

Trường hợp 4. Tính từ (nhiều, lắm) + danh từ

*Ví dụ: Nhiều người, nhiều nghề, lắm lời...*

Trường hợp 5. Đại từ trở toàn bộ (cả, tất, tất cả, hết thảy) + danh từ

*Ví dụ: Tất cả sách ở trên giá là của tôi*

Trường hợp 6. Mọi + danh từ: chỉ toàn thể sự vật

*Ví dụ: Mọi người Việt Nam, Mọi việc đều xong cả rồi...*

Trường hợp 7. Bầy, đồng + danh từ

*Ví dụ: Bầy khi, đồng sách...*

Trường hợp 8. Tiếng Việt còn có một cách tạo danh từ số nhiều bằng phương thức láy, gồm các kiểu láy:

- A → AA: mang ý nghĩa toàn thể.

*Ví dụ: Người người thi đua, Ngành ngành thi đua, Nhà nhà thi đua*

- AB → AABB

Ví dụ: *Tầng lớp* → *Tầng tầng lớp lớp*

- A → những A' là A: có ý nghĩa số nhiều không hạn định.

Ví dụ:

*Ở đây chỉ còn những rế là rế...*

*Anh thấy anh ... chỉ còn những răng là răng.*

- A → A' nào A này: có ý nghĩa về số nhiều toàn thể.

Ví dụ: *Lúc về đến nhà, người nào người nấy kể lại chuyện đi bói cho chồng nghe. Chồng nào chồng nấy nghe rồi tự nghĩ bụng rằng...*

Tiếng Anh không hề có cách cấu tạo danh từ số nhiều bằng phương thức láy như trong tiếng Việt.

Qua 12 cách nhận biết danh từ số nhiều trong tiếng Anh và 8 cách nhận biết danh từ số nhiều trong tiếng Việt nêu ở trên, có thể thấy được trong tiếng Việt, ta phải dựa vào từ đi trước nó để nhận biết một danh từ là danh từ số ít hay số nhiều; trong khi đó, danh từ tiếng Anh chính bản thân nó đã thể hiện nó là danh từ số ít hay số nhiều. Đây chính là nét khác biệt cơ bản nhất giữa danh từ số nhiều trong hai ngôn ngữ này.

Trong “Hướng dẫn kỹ thuật dịch Anh – Việt”, tác giả Nguyễn Quốc Hùng [2] đề xuất cách dịch cho câu: “*Many of us* are annoyed by *telephone solicitors* who call us day and night, trying to sell us everything from *magazine subscriptions* to *vacation homes*” như sau: “*Nhiều người trong chúng ta* thường thấy khó chịu về *một số nhân viên tiếp thị* gọi điện thoại cho chúng ta bất kể ngày đêm, mời chào chúng ta mua đủ thứ, từ *việc đặt một tờ báo* cho đến *việc đặt phòng cho kỳ nghỉ*”.

Như vậy, có thể thấy sự khác biệt trong việc dịch danh từ số nhiều trong tiếng Anh sang tiếng Việt. Có khi cần phải dịch chính xác danh từ số nhiều (many of us) nhưng có khi cũng chỉ cần dựa vào ngữ cảnh chứ không nhất thiết danh từ số nhiều là phải thêm số từ trước nó (magazine subscriptions, vacation homes)

### 3. KẾT LUẬN

Qua việc phân tích và đối chiếu ở trên, chúng tôi thấy cách cấu tạo danh từ số nhiều trong tiếng Anh và tiếng Việt có sự khác biệt rõ rệt. Để cấu tạo danh từ số nhiều trong tiếng Anh, về nguyên tắc chung, chỉ cần thay đổi danh từ số ít đó và bản thân danh từ đó đã thể hiện nó là danh từ số ít hay số nhiều. Trong khi muốn cấu tạo danh từ số nhiều trong tiếng Việt, cần phải dùng số từ, hư từ, v.v... ở trước danh từ và bản thân danh từ đó không thể hiện được nó là danh từ số nhiều mà phải dựa vào từ đi cùng với nó. Tuy nhiên, có một ít trường hợp, danh từ số nhiều trong tiếng Anh không thay đổi hình thức như trong tiếng Việt.

Trong việc học tiếng Anh, hiểu được những điểm giống và khác nhau về danh từ số nhiều trong tiếng Anh và tiếng Việt sẽ giúp người học biết sử dụng chúng như thế nào cho phù hợp, đặc biệt là đối với người nước ngoài học tiếng Việt. Đối với người Việt học tiếng Anh cần phải nắm vững các quy tắc cấu tạo danh từ số nhiều trong tiếng Anh để tránh những sai sót trong cấu tạo danh từ số nhiều.

Trong dịch thuật, việc đối chiếu này giúp dịch đúng và dịch hay. Tiếng Việt không chỉ có “những, các” để chỉ số nhiều mà còn có nhiều cách cấu tạo khác với ý nghĩa bóng bẩy hơn. Bên cạnh đó, khi dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh, tiếng Việt không thể hiện danh từ số nhiều nhưng trong tiếng Anh cần phải dùng danh từ số nhiều để đúng quy tắc ngữ pháp.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Quốc Hùng (2005), *Hướng dẫn kỹ thuật dịch Anh – Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Việt Hương (1996), *Thực hành Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
- [3] Nguyễn Kim Thân (1997), *Nghiên cứu về Ngữ pháp Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
- [4] Murphy, R. (2004), *English Grammar in Use*, Cambridge University Press.
- [5] Swan, M. (2005), *Practical English Usage*, Oxford University Press.

### COMPARE PLURAL NOUNS IN ENGLISH AND VIETNAMESE

**Abstract.** *To master English, learners need to achieve forms as well as grammatical structures. One of the difficulties that English learners have to encounter is to form plural nouns from singular ones accurately. The article shows some rules of plural noun formed in English and Vietnamese in order to find out the similarities and differences in forming plural nouns in English and Vietnamese. The result is useful for learners in using them correctly, in translating from English into Vietnamese and backwards more accurately and effectively.*